

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn;
- Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty CP xi măng Bỉm Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội phê duyệt Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT, HĐQT



Bùi Hồng Minh

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BÌM SƠN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn;
- Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP xi măng Bim Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (<http://www.ximangbimson.com.vn>), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Hồng Minh

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 40

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800232620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 2 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, sản xuất các loại vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ba Đình – Thị xã Bỉm Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2017
Ông Ngô Sỹ Túc	Thành viên	
Ông Vũ Văn Hoan	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Lập	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Ông Hà Văn Diên	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Sỹ Túc	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Hoan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng Văn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Sỹ Túc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60998684/19318003

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.255.792.037.189	1.054.009.917.941
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	111.237.434.022	161.716.078.766
111	1. Tiền		87.411.118.687	117.329.776.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.826.315.335	44.386.301.782
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		236.552.463.753	276.507.875.348
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	136.227.984.116	134.641.371.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	93.440.226.577	129.446.327.905
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.820.265.912	14.356.188.638
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.936.012.852)	(1.936.012.852)
140	III. Hàng tồn kho	8	881.696.255.873	599.501.123.153
141	1. Hàng tồn kho		884.369.926.666	602.174.793.946
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	(2.673.670.793)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		26.305.883.541	16.284.840.674
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	20.271.387.934	16.284.840.674
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	6.034.495.607	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.453.243.401.740	3.557.032.069.437
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	1.885.408.000	1.656.954.700
216	1. Phải thu dài hạn khác		20.997.654.560	20.769.201.260
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	(19.112.246.560)
220	II. Tài sản cố định		3.153.601.339.067	3.413.950.581.867
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.144.471.822.371	3.405.321.245.867
222	Nguyên giá		6.464.189.559.200	6.533.220.617.045
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.319.717.736.829)	(3.127.899.371.178)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.129.516.696	8.629.336.000
228	Nguyên giá		11.127.649.028	10.578.949.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.998.132.332)	(1.949.613.028)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		216.465.670.444	35.494.412.474
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	216.465.670.444	35.494.412.474
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	46.379.354.049	68.869.988.571
251	1. Đầu tư vào công ty con		116.190.198.618	116.190.198.618
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(69.810.844.569)	(47.320.210.047)
260	V. Tài sản dài hạn khác		34.911.630.180	37.060.131.825
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	18.696.456.785	20.844.958.430
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.709.035.438.929	4.611.041.987.378

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.882.268.986.292	2.654.690.636.997
310	I. Nợ ngắn hạn		2.539.380.936.303	2.638.996.899.297
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	944.331.376.178	914.026.742.367
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	21.654.771.905	31.455.300.946
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.717.188.310	67.285.790.325
314	4. Phải trả người lao động	15	59.232.602.118	72.514.523.817
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	54.372.894.485	42.757.213.700
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	14.217.381.142	24.422.337.568
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	1.420.257.247.134	1.470.048.032.218
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.873.640.763	2.155.230.571
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	17.723.834.268	14.331.727.785
330	II. Nợ dài hạn		342.888.049.989	15.693.737.700
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	342.888.049.989	15.693.737.700
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.826.766.452.637	1.956.351.350.381
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.826.766.452.637	1.956.351.350.381
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		628.211.078.411	440.006.775.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.448.233.173	359.237.434.096
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		36.658.576.917	101.104.592.700
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.789.656.256	258.132.841.396
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.709.035.438.929	4.611.041.987.378

Phạm Thị Thu Hương

Lê Huy Quân



Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.475.367.196.338	4.282.382.615.235
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.475.367.196.338	4.282.382.615.235
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(3.062.614.494.127)	(3.415.623.737.299)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.752.702.211	866.758.877.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	265.487.499	13.080.813.971
22	7. Chi phí tài chính	24	(129.477.143.724)	(133.312.447.487)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(74.184.433.767)</i>	<i>(105.751.689.960)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	25	(168.442.529.185)	(264.155.100.415)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(114.927.820.631)	(164.080.089.534)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		170.696.170	318.292.054.471
31	11. Thu nhập khác	26	9.870.919.153	7.226.978.618
32	12. Chi phí khác	26	(1.211.995.141)	(2.478.711.202)
40	13. Lợi nhuận khác	26	8.658.924.012	4.748.267.416
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.829.620.182	323.040.321.887
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(3.851.963.926)	(64.703.480.491)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.977.656.256	258.336.841.396

Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân



Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.829.620.182	323.040.321.887
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		251.124.068.847	257.066.534.903
03	Các khoản dự phòng		22.490.634.522	24.003.356.526
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.516.498.625 (5.144.359.521)	(5.393.983.846) (757.022.520)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	24	74.184.433.767	105.751.689.960
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		355.000.896.422	703.710.896.910
09	Giảm các khoản phải thu		43.340.795.239	205.267.673.213
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		11.502.794.424	(21.696.467.344)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.481.054.098)	112.629.155.399
12	Tăng chi phí trả trước		(1.838.045.615)	(70.454.806)
14	Tiền lãi vay đã trả		(74.305.949.388)	(107.395.954.054)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(63.916.230.896)	(78.219.650.490)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.254.609.621)	(19.914.825.305)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		234.048.596.467	794.310.373.523
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(429.817.358.596)	(61.220.960.057)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.557.607.000	1.335.909.091
27	Tiền thu lãi tiền gửi		254.976.433	394.745.633
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(423.004.775.163)	(59.490.305.333)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.952.777.562.712	2.534.578.783.978
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.704.422.778.110)	(3.254.004.682.186)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(109.877.250.650)	(2.732.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		138.477.533.952	(719.428.630.208)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(50.478.644.744)	15.391.437.982
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		161.716.078.766	146.324.640.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	111.237.434.022	161.716.078.766

Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân



Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800232620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 2 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, sản xuất các loại vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng. Trong năm 2017, Công ty đã gặp một số sự cố về việc gián đoạn lò nung clinker số 2 trong quý II. Các sự cố này đã được Công ty sớm khắc phục để trở lại hoạt động bình thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ba Đình – Thị xã Bỉm Sơn – Tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp Tiêu thụ Xi măng	Khu phố 6, Phường Lam Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Quảng Trị	Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.587 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.753 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung ("CRC"). CRC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103011389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 4 năm 2015. CRC có trụ sở chính tại thôn Tân Hy, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với hoạt động chính là gia công xi măng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm giữ 76,8% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Từ tháng 5 năm 2016, CRC đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do phản ánh của người dân địa phương về vấn đề môi trường. Sau khi khắc phục các vấn đề về môi trường liên quan đến các nội dung được đề cập tại Kết luận thanh tra số 4633/KL-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 ("Kết luận thanh tra số 4633") của Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh Quảng Ngãi, CRC đã gửi Văn bản số 499/BC-XMMT ngày 10 tháng 12 năm 2015 báo cáo tới UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đã khắc phục các nội dung liên quan và đề UBND tỉnh Quảng Ngãi tiến hành kiểm tra, xác nhận CRC đã hoàn thành các nội dung này (ngoại trừ công tác quan trắc môi trường chỉ thực hiện được khi nhà máy hoạt động 100% công suất và chưa được thực hiện do cản trở của người dân địa phương). Sau đó, công tác quan trắc đã được thực hiện từ ngày 30 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016 bởi Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường với kết quả các thông số về tiếng bụi và tiếng ồn đều nằm trong các giới hạn cho phép. Tuy nhiên, CRC vẫn chưa thể hoạt động trở lại do tiếp tục bị cản trở bởi người dân địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Sau đó, Văn phòng Chính Chủ đã ban hành Thông báo số 45/TB-VPCP ngày 31 tháng 1 năm 2018 (“Thông báo số 45”), thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình về một số vấn đề liên quan đến nhà máy Xi măng Đại Việt – Dung Quất thuộc CRC. Theo Thông báo số 45, Bộ Xây dựng căn chỉ đạo Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam yêu cầu CRC khắc phục, cải tiến thiết bị, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng và các quy định pháp luật có liên quan, tiến hành quan trắc về môi trường và công khai kết quả. Trên cơ sở đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường để nhà máy hoạt động và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 1 tháng 5 năm 2018. CRC đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các nội dung này để có thể quay trở lại hoạt động trong thời gian tới.

2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 2.539 tỷ đồng (trong đó vay ngắn hạn là 1.420 tỷ đồng), cao hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.284 tỷ đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính để Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính riêng theo cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn là công ty mẹ và có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

3.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế. | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được giao tại tỉnh Thanh Hóa, Hà Nam và thành phố Hà Nội căn cứ theo các Quyết định của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư, phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

4.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các niên độ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.492.563.370	2.902.683.417
Tiền gửi ngân hàng	83.918.555.317	114.427.093.567
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 29)	23.826.315.335	44.386.301.782
TỔNG CỘNG	<u>111.237.434.022</u>	<u>161.716.078.766</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là số dư tiền gửi của các hợp đồng ủy thác quản lý dòng tiền được ký kết giữa Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, có thời hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 2,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	101.060.431.154	32.562.527.511
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn	23.080.959.696	1.173.471.410
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bình Nguyên	16.574.671.382	-
- Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	61.404.800.076	31.389.056.101
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	35.167.552.962	102.078.844.146
TỔNG CỘNG	<u>136.227.984.116</u>	<u>134.641.371.657</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.936.012.852)	(1.936.012.852)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	32.606.857.153	68.269.758.481
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Loesche Gmbh	-	34.595.884.654
- Trả trước cho người bán khác	32.606.857.153	33.673.873.827
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	60.833.369.424	61.176.569.424
TỔNG CỘNG	<u>93.440.226.577</u>	<u>129.446.327.905</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng tiền và vật tư cho nhân viên	2.760.782.055	-	3.596.534.916	-
Phải thu khác	6.059.483.857	-	10.759.653.722	-
TỔNG CỘNG	8.820.265.912	-	14.356.188.638	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	7.824.354.942	-	12.052.032.290	-
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	995.910.970	-	2.304.156.348	-
Dài hạn				
Phải thu về chi phí đầu tư của dự án Cảng Lèn (*)	19.112.246.560	(19.112.246.560)	19.112.246.560	(19.112.246.560)
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường mỏ Tam Điền	1.885.408.000	-	1.656.954.700	-
TỔNG CỘNG	20.997.654.560	(19.112.246.560)	20.769.201.260	(19.112.246.560)

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư vào Dự án Cảng Lèn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng thu hồi các khoản mục chi phí này là thấp và đã thực hiện trích lập dự phòng với giá trị bằng tổng chi phí đã phát sinh.

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	599.273.227.250	(2.673.670.793)	335.048.507.920	(2.673.670.793)
Công cụ, dụng cụ	6.454.270.183	-	6.963.742.245	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	254.520.885.533	-	239.648.721.202	-
Thành phẩm	24.121.543.700	-	20.513.822.579	-
TỔNG CỘNG	884.369.926.666	(2.673.670.793)	602.174.793.946	(2.673.670.793)

(*) Bao gồm trong giá trị nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là giá trị thiết bị, vật tư và phụ tùng nhập khẩu cho dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiền xi măng đến giai đoạn đóng bao với tổng số tiền là 293,7 tỷ đồng. Toàn bộ giá trị của các thiết bị, vật tư, phụ tùng nhập khẩu này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 18.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm	1.642.474.044.306	4.685.956.597.500	176.514.562.740	19.729.472.799	8.545.939.700	6.533.220.617.045
- Mua trong năm	-	1.703.784.263	-	2.081.744.545	-	3.785.528.808
- Đầu tư XD CB hoàn thành	4.948.827.189	-	-	-	-	4.948.827.189
- Điều chỉnh giá trị tài sản cố định của trạm nghiên cứu Quảng Trị (*)	(13.667.655.289)	(6.711.727.528)	1.942.895.040	281.541.723	-	(18.154.946.054)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.233.800.000)	(52.760.001.122)	(1.616.666.666)	-	-	(59.610.467.788)
Số dư cuối năm	1.628.521.416.206	4.628.188.653.113	176.840.791.114	22.092.759.067	8.545.939.700	6.464.189.559.200
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	305.934.932.253	1.215.968.007.154	84.651.630.341	10.443.098.376	1.114.206.000	1.618.111.874.124
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	716.137.253.361	2.250.611.171.879	143.885.578.866	13.253.068.142	4.012.298.930	3.127.899.371.178
- Khấu hao trong năm	48.465.871.542	188.981.348.097	11.665.112.994	1.963.216.910	353.283.896	251.428.833.439
- Thanh lý, nhượng bán	(5.233.800.000)	(52.760.001.122)	(1.616.666.666)	-	-	(59.610.467.788)
Số dư cuối năm	759.369.324.903	2.386.832.518.854	153.934.025.194	15.216.285.052	4.365.582.826	3.319.717.736.829
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	926.336.790.945	2.435.345.425.621	32.628.983.874	6.476.404.657	4.533.640.770	3.405.321.245.867
Số dư cuối năm	869.152.091.303	2.241.356.134.259	22.906.765.920	6.876.474.015	4.180.356.874	3.144.471.822.371

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giá trị tài sản cố định của trạm nghiên cứu Quảng Trị được Công ty mua lại từ Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng, một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, trong năm 2011 với giá trị ước tính ban đầu là 192 tỷ đồng. Căn cứ theo giá trị quyết toán dự án và Biên bản thanh lý hợp đồng dự án trạm nghiên cứu Xi măng Quảng Trị số 84/TLHD/2017/BCC-TM ngày 17 tháng 4 năm 2017 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng, Công ty đã điều chỉnh tăng/(giảm) giá trị của một số hạng mục tài sản theo văn bản này.

Công ty đã sử dụng các tài sản là dây chuyền thiết bị, nhà xưởng và công trình phụ trợ hình thành từ Dự án Dây chuyền mới làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 18.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	8.629.336.000	1.949.613.028	10.578.949.028
Mua trong năm	-	548.700.000	548.700.000
Số dư cuối năm	<u>8.629.336.000</u>	<u>2.498.313.028</u>	<u>11.127.649.028</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	1.949.613.028	1.949.613.028
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	1.949.613.028	1.949.613.028
Khấu hao trong năm	-	48.519.304	48.519.304
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>1.998.132.332</u>	<u>1.998.132.332</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>8.629.336.000</u>	<u>-</u>	<u>8.629.336.000</u>
Số dư cuối năm	<u>8.629.336.000</u>	<u>500.180.696</u>	<u>9.129.516.696</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiên xi măng đến giai đoạn đóng bao (*)	185.653.836.932	3.599.215.027
Dự án mỏ Tam Diên	17.690.072.938	17.690.072.938
Dự án khu điều hành VICEM	9.999.241.293	9.999.241.293
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	3.122.519.281	4.205.883.216
TỔNG CỘNG	<u>216.465.670.444</u>	<u>35.494.412.474</u>

(*) Giá trị của các tài sản, thiết bị của dự án này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 18.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	9.953.280	116.190.198.618	9.953.280	116.190.198.618
12.1 Đầu tư vào công ty con				<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung		116.190.198.618	116.190.198.618	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(69.810.844.569)	(47.320.210.047)	
GIÁ TRỊ THUẬN		46.379.354.049	68.869.988.571	

Thuyết minh số 1 trình bày các thông tin liên quan đến công ty con của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lò	17.343.028.025	14.029.530.021
Chi phí sửa chữa máy nghiền	2.928.359.909	2.255.310.653
TỔNG CỘNG	20.271.387.934	16.284.840.674
Dài hạn		
Phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản (*)	12.358.752.972	13.373.087.710
Chi phí sửa chữa thay thế vỏ con lăn và máy nghiền	3.570.261.660	6.243.551.894
Công cụ dụng cụ và thiết bị xuất dùng	2.767.442.153	1.228.318.826
TỔNG CỘNG	18.696.456.785	20.844.958.430

(*) Đây là khoản trả trước chi phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước đối với các mỏ đá vôi, đất sét Yên Duyên, Cổ Đàm và Tam Diên tại thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1677/QĐ-BTNMT được ban hành bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường vào ngày 29 tháng 6 năm 2015. Công ty thực hiện phân bổ các khoản chi phí này kể từ thời điểm nhận được quyết định này cho đến hết thời điểm khai thác của các mỏ đá vôi, đất sét nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	394.422.519.347	394.422.519.347	308.926.711.669	308.926.711.669
Trong đó:				
- Công ty TNHH Quang Trung	42.172.713.988	42.172.713.988	53.676.418.483	53.676.418.483
- Phải trả đối tượng khác	352.249.805.359	352.249.805.359	255.250.293.186	255.250.293.186
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	549.908.856.831	549.908.856.831	605.100.030.698	605.100.030.698
TỔNG CỘNG	944.331.376.178	944.331.376.178	914.026.742.367	914.026.742.367

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Người mua trả tiền trước	6.726.374.232
Trong đó:		
- Công ty TNHH Hồng Phượng	1.418.639.818	4.479.452.423
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Ngọc Loan	857.578.996	3.283.366.608
- Công ty TNHH Ngọc Mươi	-	3.804.122.126
- Người mua trả tiền trước khác	4.450.155.418	19.724.996.716
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	14.928.397.673	163.363.073
GIÁ TRỊ THUẦN	21.654.771.905	31.455.300.946

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	Thuế giá trị gia tăng	1.927.446.165	23.621.475.262	(30.843.387.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.1)	59.650.652.380	3.851.963.926	(63.916.230.896)	(413.614.590)
Thuế thu nhập cá nhân	1.915.877.658	1.202.008.501	(1.809.134.351)	1.308.751.808
Thuế tài nguyên	2.393.133.867	27.763.773.567	(28.088.067.762)	2.068.839.672
Phí bảo vệ môi trường	1.343.715.255	13.694.041.617	(14.022.574.694)	1.015.182.178
Các loại thuế và phí khác	54.965.000	42.258.353.964	(42.315.318.964)	(2.000.000)
TỔNG CỘNG	67.285.790.325	112.391.616.837	(180.994.714.459)	(1.317.307.297)
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải nộp	67.285.790.325			4.717.188.310
Thuế và các khoản phải thu	-			(6.034.495.607)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	22.929.978.714	20.639.454.819
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	18.437.014.888	7.028.769.576
Chi phí lãi vay	6.457.817.403	3.318.280.581
Chi phí vận chuyển	3.518.490.660	5.549.623.930
Chi phí đã khai thác thuê ngoài	3.029.592.820	6.214.382.481
Chi phí khác	-	6.702.313
TỔNG CỘNG	<u>54.372.894.485</u>	<u>42.757.213.700</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả về cổ tức	1.956.971.468	1.824.168.118
Quỹ phúc lợi xã hội đóng góp bởi người lao động	1.487.636.378	1.723.636.378
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.759.834.503
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.772.773.296	19.114.698.569
TỔNG CỘNG	<u>14.217.381.142</u>	<u>24.422.337.568</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>12.874.596.346</i>	<i>15.015.669.652</i>
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>1.342.784.796</i>	<i>.9.406.667.916</i>

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn:							
18.1 Vay ngân hàng	1.131.879.927.167	1.131.879.927.167	2.475.583.250.423	(2.337.205.930.456)	1.270.257.247.134	1.270.257.247.134	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	338.168.105.051	338.168.105.051	21.193.454.347	(359.361.559.398)	-	-	
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000	
TỔNG CỘNG	1.470.048.032.218	1.470.048.032.218	2.646.776.704.770	(2.696.567.489.854)	1.420.257.247.134	1.420.257.247.134	
Vay dài hạn:							
18.3 Vay ngân hàng	15.693.737.700	15.693.737.700	327.194.312.289	-	342.888.049.989	342.888.049.989	
TỔNG CỘNG	15.693.737.700	15.693.737.700	327.194.312.289	-	342.888.049.989	342.888.049.989	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	589.999.457.392	Thời hạn vay cho mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 5,2% đến 5,5%.	Toàn bộ tài sản của Dự án Dây chuyền mới hình thành sau đầu tư.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	377.818.893.895	Thời hạn vay cho mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 5,2% đến 5,5%.	Toàn bộ tài sản của Dự án Dây chuyền mới hình thành sau đầu tư.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	302.438.895.847	Thời hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm là 5,5%.	Không

TỔNG CỘNG 1.270.257.247.134

18.2 Vay ngắn hạn các bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn với bên liên quan được trình bày như sau

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	150.000.000.000	Khoản vay sẽ được đáo hạn vào ngày 5 tháng 9 năm 2018. Lãi vay được trả hàng quý.	5,5%/năm	Không

TỔNG CỘNG 150.000.000.000

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.3 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Nhóm các ngân hàng. Trong đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn là ngân hàng đầu mỗi	342.888.049.989	Gốc vay được trả định kỳ 6 tháng/lần, bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Lãi vay được trả theo quý.	9,5%/năm	Toàn bộ hệ thống nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị của Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiên xi măng đến giai đoạn đóng bao hình thành từ khoản vay.
TỔNG CỘNG	<u>342.888.049.989</u>			

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Số đầu năm
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 20.1)
Sử dụng quỹ trong năm
Số cuối năm

Đơn vị tính: VND	
Năm nay	Năm trước
14.331.727.785	11.120.999.822
24.364.500.000	23.920.000.000
(20.972.393.517)	(20.709.272.037)
<u>17.723.834.268</u>	<u>14.331.727.785</u>

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước					Tổng cộng
Số đầu năm	956.613.970.000	57.006.601.053	324.849.975.232	383.667.962.700	1.722.138.508.985
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	258.336.841.396	258.336.841.396
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	115.156.800.000	(115.156.800.000)	-
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	143.486.570.000	-	-	(143.486.570.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(23.500.000.000)	(23.500.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng điều hành	-	-	-	(420.000.000)	(420.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(204.000.000)	(204.000.000)
Số cuối năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	440.006.775.232	359.237.434.096	1.956.351.350.381
Năm nay					
Số đầu năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	440.006.775.232	359.237.434.096	1.956.351.350.381
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.977.656.256	4.977.656.256
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	188.204.303.179	(188.204.303.179)	-
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	(110.010.054.000)	(110.010.054.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng điều hành	-	-	-	(364.500.000)	(364.500.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(188.000.000)	(188.000.000)
Số cuối năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	628.211.078.411	41.448.233.173	1.826.766.452.637

Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết số 0878/NQ-ĐHĐCĐ 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết cổ phiếu của chủ sở hữu Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn góp cổ đông	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000	-	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000	-	
Thặng dư vốn cổ phần	57.006.601.053	57.006.601.053	-	57.006.601.053	57.006.601.053	-	
TỔNG CỘNG	1.157.107.141.053	1.157.107.141.053	-	1.157.107.141.053	1.157.107.141.053	-	

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (công ty mẹ)	804.678.710.000	73
Các cổ đông khác	295.421.830.000	27
TỔNG CỘNG	1.100.100.540.000	100

20.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

Năm nay Năm trước

Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2016: (1.000 đồng/cổ phiếu)	110.010.054.000	-
Cổ tức cho năm 2015: 15% trên mệnh giá tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	143.486.570.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12

- -

20.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
Cổ phiếu phổ thông	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
Cổ phiếu phổ thông	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
TỔNG CỘNG	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.490	214
- Euro (EUR)	476	513

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

22.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán xi măng	2.966.556.293.632	3.916.361.870.254
Doanh thu bán clinker	506.840.333.409	352.565.477.592
Doanh thu bán phế liệu	1.970.569.297	10.404.980.735
Doanh thu bán xăng dầu	-	897.282.882
Doanh thu bán vật tư, công cụ dụng cụ	-	2.153.003.772
TỔNG CỘNG	<u>3.475.367.196.338</u>	<u>4.282.382.615.235</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	<i>3.002.963.326.125</i>	<i>3.461.027.051.776</i>
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>472.403.870.213</i>	<i>821.355.563.459</i>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	254.976.433	394.745.633
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.742.769	12.682.237.587
Doanh thu tài chính khác	8.768.297	3.830.751
TỔNG CỘNG	<u>265.487.499</u>	<u>13.080.813.971</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn xi măng	2.508.384.791.710	3.055.042.162.707
Giá vốn clinker	554.059.773.719	356.774.629.126
Giá vốn xăng dầu	-	849.480.491
Giá vốn khác	169.928.698	2.957.464.975
TỔNG CỘNG	<u>3.062.614.494.127</u>	<u>3.415.623.737.299</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	74.184.433.767	105.751.689.960
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.565.241.228	3.447.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính	22.490.634.522	24.003.356.526
Chi phí tài chính khác	236.834.207	110.401.001
TỔNG CỘNG	<u>129.477.143.724</u>	<u>133.312.447.487</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển và ủy thác xuất khẩu	96.148.028.895	139.732.208.753
Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm	8.268.864.992	29.164.220.391
Chi phí phát triển thị trường (Thuyết minh số 29)	12.237.784.669	31.554.472.835
Chi phí nhân công	20.442.016.022	21.277.570.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.581.550.892	31.220.263.477
Chi phí bán hàng khác	9.764.283.715	11.206.364.344
TỔNG CỘNG	168.442.529.185	264.155.100.415
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:		
Chi phí nhân công	48.985.294.638	66.862.911.265
Phí hỗ trợ quản trị doanh nghiệp (Thuyết minh số 29)	8.097.512.671	29.164.220.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.059.984.541	17.584.127.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.142.796.896	3.809.371.127
Chi phí quản lý khác	39.642.231.885	46.659.459.594
TỔNG CỘNG	114.927.820.631	164.080.089.534

26. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.870.919.153	7.226.978.618
Thu từ thanh lý tài sản	4.889.383.088	362.276.887
Xử lý chênh lệch kiểm kê thừa	1.759.834.503	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	1.091.857.627	2.742.529.385
Thu từ cung cấp điện	383.114.688	2.078.256.119
Thu nhập khác	1.746.729.247	2.043.916.227
Chi phí khác	1.211.995.141	2.478.711.202
Giá vốn cung cấp điện	383.114.688	2.080.279.125
Các khoản phạt	286.466.445	244.940.207
Chi phí khác	542.414.008	153.491.870
LỢI NHUẬN THUẦN	8.658.924.012	4.748.267.416

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.527.957.470.549	1.729.022.975.428
Chi phí nhân công	282.211.692.723	338.436.861.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.124.068.847	257.066.534.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	942.468.926.497	1.145.502.253.301
Chi phí khác	360.702.570.777	411.431.241.200
TỔNG CỘNG	3.364.464.729.393	3.881.459.866.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.851.963.926	64.703.480.491
TỔNG CỘNG	3.851.963.926	64.703.480.491

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.829.620.182	323.040.321.887
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.765.924.036	64.608.064.377
Các điều chỉnh tăng		
Các khoản tiền phạt	60.393.289	48.988.040
Các khoản điều chỉnh tăng khác	46.428.072	46.428.074
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	1.202.391.631	-
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế	776.826.898	-
Chi phí thuế TNDN	3.851.963.926	64.703.480.491

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty")	Công ty mẹ	Doanh thu bán xi măng và clinker Mua nguyên vật liệu và vật tư sản xuất xi măng Phí vận chuyển và ủy thác xuất khẩu Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp (*) Vay ngắn hạn	180.393.693.473 94.122.669.726 30.807.173.436 16.195.025.344	553.043.407.561 147.877.772.680 93.449.258.977 58.328.142.002
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Đóng góp từ thiện, ủng hộ và chi phí khác	150.000.000.000	- 3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Mua đá bazan và than cám	689.093.312.990	604.846.010.009
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng Doanh thu bán xi măng Mua bao bì, vật tư sản xuất	308.027.408.259 94.663.636	401.876.457.325 -
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	174.719.941.480	230.716.940.480
Công ty Cổ phần Vicem Xi măng Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí gia công xi măng Mua nguyên liệu sản xuất xi măng	141.985.709.894 -	158.163.280.204 931.231.907
Công ty Cổ phần Vicem Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	21.675.406.000	955.639.601 2.750.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Mua clinker	17.657.069.815 16.327.888.000	25.959.563.632 -
	Cùng Tổng Công ty	Mua clinker Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí gia công xi măng Vay clinker	8.997.617.920 47.198.197.045 710.260.198	118.558.198.404 44.279.109.242 13.673.607.239 10.591.589.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	72.763.626 2.340.118.920	26.305.240.651 13.850.130.080
Công ty Cổ phần Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng	62.027.186.384	2.762.910.848
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Công ty con	Chi phí gia công xi măng Bán vật tư thiết bị	312.000.000 -	26.900.139.000 2.153.003.772
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	3.289.907.047 403.422.728	8.689.047.549 311.905.455
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí gia công xi măng	19.684.679.293 58.705.796.380	- -
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vật tư	21.675.406.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	12.996.509.400	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công	712.027.272	-

(*) Theo hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các phụ lục điều chỉnh hợp đồng ký ngày 26 tháng 12 năm 2017, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, phí tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường và phí tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp cho năm 2017 sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,3% doanh thu tiêu thụ xi măng, 0,1% doanh thu tiêu thụ clinker và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuế ngoài gia công (năm 2016: tỷ lệ các loại phí nêu trên được xác định là 0,8% doanh thu tiêu thụ xi măng, 0,1% doanh thu tiêu thụ clinker và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuế ngoài gia công).

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ.

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)					
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Công ty con	Bán hàng hóa, vật tư	30.083.976.320	30.162.824.320	
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	2.298.541.952	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Bán clinker	1.805.513.601	28.555.519.995	
Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	979.521.089	5.473.611.912	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	26.980.441.298	
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Bán clinker	-	9.557.952.304	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	-	1.348.494.317	
			35.167.552.962	102.078.844.146	
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)					
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Công ty con	Phí gia công xi măng	60.833.369.424	61.176.569.424	
			60.833.369.424	61.176.569.424	
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)					
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Công ty con	Cho vay nguyên vật liệu	995.910.970	995.910.970	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Cho vay gạch chịu lửa	-	514.242.233	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ xây lò nung gạch chịu lửa	-	415.186.000	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ xây lò nung gạch chịu lửa	-	275.831.014	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Phải thu về cho vay nguyên vật liệu	-	102.986.131	
			995.910.970	2.304.156.348	

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Phải trả người bán (Thuyết minh số 14.1)					
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	201.613.754.378	165.611.110.087	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	152.530.923.435	143.582.530.605	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	103.473.617.446	138.399.428.088	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng	33.035.027.896	-	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp	17.201.849.023	43.029.752.691	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	16.842.946.600	3.025.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa và gạch kiểm định	9.676.858.620	5.322.499.600	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Mua trạm nghiền Quảng Trị	6.778.659.507	37.914.722.010	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công và bóc xép xi măng	329.904.780	131.553.174	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng và mua clinker	6.093.049.505	67.332.403.257	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Phát triển Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng	783.230.000	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí thăm dò, khảo sát	766.988.036	299.215.186	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Cùng Tổng Công ty	Mua clinker	343.413.605	-	
Viện Công nghệ Xi măng VICEM	Cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	302.750.000	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Cùng Tổng Công ty	Chi phí đào tạo	135.884.000	372.968.000	
	Công ty con	Phí gia công xi măng	-	78.848.000	
			549.908.856.831	605.100.030.698	

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)					
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Trả trước tiền mua xi măng	14.928.397.673	-	
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Trả trước tiền mua xi măng	-	163.363.073	
			14.928.397.673	163.363.073	
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh số 17)					
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Thanh lý tài sản giữ hộ	1.070.161.050	1.070.161.050	
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí tư vấn thiết kế dự án Dây chuyền mới	239.084.546	239.084.546	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua nguyên vật liệu	30.000.000	-	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	3.539.200	3.539.200	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua clinker và xi măng	-	8.093.883.120	
			1.342.784.796	9.406.667.916	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)					
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	150.000.000.000	-	
			150.000.000.000	-	

Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 5)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng theo hợp đồng ủy thác quản lý dòng tiền được ký kết giữa Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, một đơn vị được đầu tư bởi Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.067.490.550	2.710.529.512
TỔNG CỘNG	2.067.490.550	2.710.529.512

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất xi măng, clinker và một số loại vật liệu xây dựng liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết liên quan đến chi phí đầu tư dự án

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị khoảng 314 tỷ đồng liên quan đến việc thực hiện "Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiền xi măng đến giai đoạn đóng bao".

Cam kết về chi phí hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ phải trả trong tương lai theo các hợp đồng gia công và mua nguyên vật liệu chính có giá trị ước tính là 1.182 tỷ VND.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

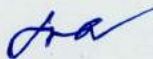
31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến và qua đó, để xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành theo Văn bản số 8796/2017/UBND-KTTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 44

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800232620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 2 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, sản xuất các loại vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ba Đình – Thị xã Bỉm Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2017
Ông Ngô Sỹ Túc	Thành viên	
Ông Vũ Văn Hoan	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Lập	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Ông Hà Văn Diên	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Sỹ Túc	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Hoan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng Văn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Sỹ Túc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60998684/19318003

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1


Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.175.390.068.274	976.416.783.873
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	112.445.561.513	162.262.526.033
111	1. Tiền		88.619.246.178	117.876.224.251
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.826.315.335	44.386.301.782
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		148.610.360.409	191.255.859.699
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	106.554.277.828	104.888.817.369
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	34.101.868.286	69.794.769.314
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	10.900.301.326	18.861.392.114
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2	(2.946.087.031)	(2.289.119.098)
140	III. Hàng tồn kho	8	887.772.653.895	605.911.632.594
141	1. Hàng tồn kho		890.446.324.688	608.585.303.387
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.673.670.793)	(2.673.670.793)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		26.561.492.457	16.986.765.547
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	20.271.387.934	16.765.448.557
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		249.592.303	215.300.377
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	6.040.512.220	6.016.613
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.664.838.493.059	3.764.911.068.446
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7	1.885.408.000	1.656.954.700
216	1. Phải thu dài hạn khác		20.997.654.560	20.769.201.260
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(19.112.246.560)	(19.112.246.560)
220	II. Tài sản cố định		3.390.097.896.602	3.666.295.448.650
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.380.968.379.906	3.657.666.112.650
222	Nguyên giá		6.778.384.732.506	6.847.415.790.351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.397.416.352.600)	(3.189.749.677.701)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.129.516.696	8.629.336.000
228	Nguyên giá		11.127.649.028	10.578.949.028
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.998.132.332)	(1.949.613.028)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	218.865.737.707	37.894.479.737
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		218.865.737.707	37.894.479.737
260	IV. Tài sản dài hạn khác		53.989.450.750	59.064.185.359
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	28.892.991.359	32.302.484.844
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		16.215.173.395	16.215.173.395
269	3. Lợi thế thương mại	13	8.881.285.996	10.546.527.120
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.840.228.561.333	4.741.327.852.319

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.038.648.198.393	2.801.703.304.666
310	I. Nợ ngắn hạn		2.652.900.148.404	2.726.020.231.773
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	980.362.257.084	949.930.203.233
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	21.654.771.905	31.376.452.946
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.723.601.650	67.289.964.828
314	4. Phải trả người lao động	17	59.595.730.578	73.344.014.252
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	72.917.451.965	51.370.049.730
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	24.405.055.691	34.917.334.037
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.468.643.804.500	1.501.305.254.391
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.873.640.763	2.155.230.571
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	17.723.834.268	14.331.727.785
330	II. Nợ dài hạn		385.748.049.989	75.683.072.893
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	385.748.049.989	75.683.072.893
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.801.580.362.940	1.939.624.547.653
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.801.580.362.940	1.939.624.547.653
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.100.100.540.000	1.100.100.540.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	57.006.601.053	57.006.601.053
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	628.211.078.411	440.006.775.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	13.301.034.108	332.755.476.155
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		10.176.618.976	76.287.875.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.124.415.132	256.467.600.268
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.1	2.961.109.368	9.755.155.213
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.840.228.561.333	4.741.327.852.319

Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.475.367.196.338	4.280.229.611.463
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.475.367.196.338	4.280.229.611.463
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.062.683.250.276)	(3.417.723.237.173)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.683.946.062	862.506.374.290
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	266.783.001	13.209.619.491
22	7. Chi phí tài chính	25	(117.018.230.652)	(117.562.755.696)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(84.216.155.217)	(114.005.354.695)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(168.442.529.185)	(264.155.100.415)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(119.062.275.246)	(172.871.638.308)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.427.693.980	321.126.499.362
31	11. Thu nhập khác	27	10.300.442.109	7.852.928.618
32	12. Chi phí khác	27	(18.357.802.876)	(14.855.361.171)
40	13. Lỗ khác	27	(8.057.360.767)	(7.002.432.553)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		370.333.213	314.124.066.809
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(3.851.963.926)	(64.703.480.491)
60	16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(3.481.630.713)	249.420.586.318
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.312.415.132	256.671.600.268
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	(6.794.045.845)	(7.251.013.950)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	30	2.112
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	30	2.112

Phạm Thị Thu Hương

Lê Huy Quân



Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		370.333.213	314.124.066.809
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và phân bổ lợi thế thương mại		268.637.619.219	274.879.400.644
03	Các khoản dự phòng		656.967.933	121.087.173
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.516.498.625	(5.393.983.846)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.145.655.023)	(885.828.040)
06	Chi phí lãi vay	25	84.216.155.217	114.005.354.695
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		352.251.919.184	696.850.097.435
09	Giảm các khoản phải thu		45.339.623.075	209.181.053.890
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		11.836.905.843	(20.252.861.647)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(16.146.231.116)	106.631.041.082
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(96.445.892)	5.590.193.722
14	Tiền lãi vay đã trả		(74.305.949.388)	(110.810.867.864)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(63.916.230.896)	(78.219.650.490)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.254.609.621)	(17.609.535.067)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		234.708.981.189	791.359.471.061
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(429.817.358.596)	(61.681.311.875)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.557.607.000	1.335.909.091
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng		256.271.935	523.551.153
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(423.003.479.661)	(59.821.851.631)

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.952.777.562.712	2.534.578.783.978
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.704.422.778.110)	(3.261.884.682.186)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(109.877.250.650)	(2.732.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		138.477.533.952	(727.308.630.208)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(49.816.964.520)	4.228.989.222
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		162.262.526.033	158.033.536.811
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	112.445.561.513	162.262.526.033

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân

Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800232620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 2 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, sản xuất các loại vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng. Trong năm 2017, Công ty đã gặp một số sự cố về việc gián đoạn lò nung clinker số 2 trong quý II. Các sự cố này đã được Công ty sớm khắc phục để trở lại hoạt động bình thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ba Đình – Thị xã Bỉm Sơn – Tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Xí nghiệp Tiêu thụ Xi măng	Khu phố 6, Phường Lam Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Quảng Trị	Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.607 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.833 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung ("CRC"). CRC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103011389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 7 tháng 4 năm 2015. CRC có trụ sở chính tại thôn Tân Hy, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với hoạt động chính là gia công xi măng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm giữ 76,8% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Từ tháng 5 năm 2016, CRC đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do phản ánh của người dân địa phương về vấn đề môi trường. Sau khi khắc phục các vấn đề về môi trường liên quan đến các nội dung được đề cập tại Kết luận thanh tra số 4633/KL-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 ("Kết luận thanh tra số 4633") của Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh Quảng Ngãi, CRC đã gửi Văn bản số 499/BC-XMMT ngày 10 tháng 12 năm 2015 báo cáo tới UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đã khắc phục các nội dung liên quan và đề UBND tỉnh Quảng Ngãi tiến hành kiểm tra, xác nhận CRC đã hoàn thành các nội dung này (ngoại trừ công tác quan trắc môi trường chỉ thực hiện được khi nhà máy hoạt động 100% công suất và chưa được thực hiện do cản trở của người dân địa phương). Sau đó, công tác quan trắc đã được thực hiện từ ngày 30 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016 bởi Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường với kết quả các thông số về tiếng bụi và tiếng ồn đều nằm trong các giới hạn cho phép. Tuy nhiên, CRC vẫn chưa thể hoạt động trở lại do tiếp tục bị cản trở bởi người dân địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Sau đó, Văn phòng Chính Chủ đã ban hành Thông báo số 45/TB-VPCP ngày 31 tháng 1 năm 2018 ("Thông báo số 45"), thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình về một số vấn đề liên quan đến nhà máy Xi măng Đại Việt – Dung Quất thuộc CRC. Theo Thông báo số 45, Bộ Xây dựng căn chỉ đạo Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam yêu cầu CRC khắc phục, cải tiến thiết bị, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng và các quy định pháp luật có liên quan, tiến hành quan trắc về môi trường và công khai kết quả. Trên cơ sở đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường để nhà máy hoạt động và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 1 tháng 5 năm 2018. CRC đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các nội dung này để có thể quay trở lại hoạt động trong thời gian tới.

2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng nợ phải trả ngắn hạn của Công ty và công ty con là 2.653 tỷ đồng (trong đó vay ngắn hạn là 1.468 tỷ đồng), cao hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.478 tỷ đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và công ty con phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính để Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất theo cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

3.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế. | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được giao tại tỉnh Thanh Hóa, Nam Định và thành phố Hà Nội căn cứ theo các Quyết định của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

4.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Các khoản dự phòng

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.13 Phân chia lợi nhuận hợp nhất

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi hợp nhất cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

4.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các niên độ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.581.136.059	3.164.755.231
Tiền gửi ngân hàng	84.038.110.119	114.711.469.020
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 30)	23.826.315.335	44.386.301.782
TỔNG CỘNG	112.445.561.513	162.262.526.033

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là số dư tiền gửi của các hợp đồng ủy thác quản lý dòng tiền được ký kết giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất từ 1%/năm đến 2,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	101.470.701.186	32.972.797.543
Trong đó:		
- Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn	23.080.959.696	1.173.471.410
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bình Nguyên	16.574.671.382	-
- Phải thu ngắn hạn từ các khách hàng khác	61.815.070.108	31.799.326.133
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	5.083.576.642	71.916.019.826
TỔNG CỘNG	106.554.277.828	104.888.817.369
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.346.282.884)	(2.289.119.098)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	34.101.868.286	69.794.769.314
Trong đó:		
- Công ty Loesche GmbH	-	34.595.884.654
- Trả trước cho người bán khác	34.101.868.286	35.198.884.660
TỔNG CỘNG	34.101.868.286	69.794.769.314
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(599.804.147)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng tiền và vật tư cho nhân viên	5.119.240.706	-	6.096.534.916	-
Phải thu khác	5.781.060.620	-	12.764.857.198	-
TỔNG CỘNG	10.900.301.326	-	18.861.392.114	-
Trong đó:				
Phải thu khác	10.900.301.326	-	17.553.146.736	-
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	-	1.308.245.378	-
Dài hạn				
Phải thu về chi phí đầu tư của dự án Cảng Lèn (*)	19.112.246.560	(19.112.246.560)	19.112.246.560	(19.112.246.560)
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường mỏ Tam Diên	1.885.408.000	-	1.656.954.700	-
TỔNG CỘNG	20.997.654.560	(19.112.246.560)	20.769.201.260	(19.112.246.560)

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư vào Dự án Cảng Lèn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng thu hồi các khoản mục chi phí này là thấp và đã thực hiện trích lập dự phòng với giá trị bằng tổng chi phí đã phát sinh.

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	605.137.059.521	(2.673.670.793)	340.919.867.725	(2.673.670.793)
Công cụ, dụng cụ	6.666.835.934	-	7.178.092.306	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	254.520.885.533	-	239.973.518.697	-
Thành phẩm	24.121.543.700	-	20.513.824.659	-
TỔNG CỘNG	890.446.324.688	(2.673.670.793)	608.585.303.387	(2.673.670.793)

(*) Bao gồm trong giá trị nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là giá trị thiết bị, vật tư và phụ tùng nhập khẩu cho dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiền xi măng đến giai đoạn đóng bao với tổng số tiền là 293,7 tỷ đồng. Toàn bộ giá trị của các thiết bị, vật tư, phụ tùng nhập khẩu này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 19.5.

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm	1.761.490.723.665	4.873.977.632.879	180.456.936.108	22.944.557.999	8.545.939.700	6.847.415.790.351
- Mua trong năm	-	1.703.784.263	-	2.081.744.545	-	3.785.528.808
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.948.827.189	-	-	-	-	4.948.827.189
- Điều chỉnh giá trị tài sản cố định của trạm nghiên Quang Trị (*)	(13.667.655.289) (5.233.800.000)	(6.711.727.528) (52.760.001.122)	1.942.895.040 (1.616.666.666)	281.541.723	-	(18.154.946.054) (59.610.467.788)
- Thanh lý, nhượng bán	1.747.538.095.565	4.816.209.688.492	180.783.164.482	25.307.844.267	8.545.939.700	6.778.384.732.506
Số dư cuối năm	305.859.936.253	1.216.238.006.643	85.495.041.607	10.443.098.376	539.208.000	1.618.575.290.879
Trong đó:						
Đã khấu hao hết						
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	733.760.284.511	2.289.690.488.202	147.794.396.415	14.492.209.643	4.012.298.930	3.189.749.677.701
- Khấu hao trong năm	53.322.159.449	199.572.039.537	11.753.299.475	2.276.360.330	353.283.896	267.277.142.687
- Thanh lý, nhượng bán	(5.233.800.000)	(52.760.001.122)	(1.616.666.666)	-	-	(59.610.467.788)
Số dư cuối năm	781.848.643.960	2.436.502.526.617	157.931.029.224	16.768.569.973	4.365.582.826	3.397.416.352.600
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	1.027.730.439.154	2.584.287.144.677	32.662.539.693	8.452.348.356	4.533.640.770	3.657.666.112.650
Số dư cuối năm	965.689.451.605	2.379.707.161.875	22.852.135.258	8.539.274.294	4.180.356.874	3.380.968.379.906

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giá trị tài sản cố định của trạm nghiên Quang Trị được Công ty mua lại từ Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng, một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, trong năm 2011 với giá trị ước tính ban đầu là 192 tỷ đồng. Căn cứ theo giá trị quyết toán dự án và Biên bản thanh lý hợp đồng dự án trạm nghiên xi măng Quang Trị số 84/TLHD/2017/BCC-TM ngày 17 tháng 4 năm 2017 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng, Công ty đã điều chỉnh tăng/(giảm) giá trị của một số hạng mục tài sản theo văn bản này.

Công ty đã sử dụng các tài sản là dây chuyền thiết bị, nhà xưởng và công trình phụ trợ hình thành từ Dự án Dây chuyền mới làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 19.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	8.629.336.000	1.949.613.028	10.578.949.028
Mua trong năm	-	548.700.000	548.700.000
Số dư cuối năm	<u>8.629.336.000</u>	<u>2.498.313.028</u>	<u>11.127.649.028</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	1.949.613.028	1.949.613.028
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	1.949.613.028	1.949.613.028
- Khấu trừ trong năm	-	48.519.304	48.519.304
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>1.998.132.332</u>	<u>1.998.132.332</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>8.629.336.000</u>	-	<u>8.629.336.000</u>
Số dư cuối năm	<u>8.629.336.000</u>	<u>500.180.696</u>	<u>9.129.516.696</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiên xi măng đến giai đoạn đóng bao (*)	185.653.836.932	3.599.215.027
Dự án mỏ Tam Diên	17.690.072.938	17.690.072.938
Dự án khu điều hành VICEM	9.999.241.293	9.999.241.293
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.522.586.544	6.605.950.479
TỔNG CỘNG	<u>218.865.737.707</u>	<u>37.894.479.737</u>

(*) Giá trị của các tài sản, thiết bị của dự án này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 19.5.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa lò	17.343.028.025	14.029.530.021
Chi phí sửa chữa máy nghiền	2.928.359.909	2.255.310.653
Chi phí trả trước khác	-	480.607.883
TỔNG CỘNG	<u>20.271.387.934</u>	<u>16.765.448.557</u>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dài hạn:		
Phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản (*)	12.358.752.972	13.373.087.710
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng – Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	9.739.615.292	9.892.422.628
Chi phí sửa chữa thay thế vỏ con lăn và máy nghiền	3.570.261.660	6.243.551.894
Chi phí sửa chữa nhà máy Xi măng Đại Việt	62.979.888	412.250.119
Công cụ dụng cụ và thiết bị xuất dùng	3.161.381.547	2.381.172.493
TỔNG CỘNG	<u>28.892.991.359</u>	<u>32.302.484.844</u>

(*) Đây là khoản trả trước chi phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước đối với các mỏ đá vôi, đất sét Yên Duyên, Cổ Đàm và Tam Diên tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1677/QĐ-BTNMT được ban hành bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường vào ngày 29 tháng 6 năm 2015. Công ty thực hiện phân bổ các khoản chi phí này kể từ thời điểm nhận được quyết định này cho đến hết thời điểm khai thác của các mỏ đá vôi, đất sét nêu trên.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		16.652.411.248
Số cuối năm		16.652.411.248
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		6.105.884.128
Phân bổ trong năm		1.665.241.124
Số cuối năm		7.771.125.252
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		10.546.527.120
Số cuối năm		8.881.285.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	427.931.725.633	427.931.725.633	342.387.345.915	342.387.345.915
Trong đó:				
- Công ty TNHH Quang Trung	42.172.713.988	42.172.713.988	53.676.418.483	53.676.418.483
- Phải trả đối tượng khác	385.759.011.645	385.759.011.645	288.710.927.432	288.710.927.432
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	552.430.531.451	552.430.531.451	607.542.857.318	607.542.857.318
TỔNG CỘNG	980.362.257.084	980.362.257.084	949.930.203.233	949.930.203.233

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Người mua trả tiền trước		6.726.374.232		31.213.089.873
Trong đó:				
- Doanh nghiệp Tư nhân Hồng Phượng		1.418.639.818		4.479.452.423
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Ngọc Loan		857.578.996		3.283.366.608
- Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn		-		4.019.678.650
- Công ty TNHH Ngọc Mươi		-		3.804.122.126
- Người mua trả tiền trước khác		4.450.155.418		15.626.470.066
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)		14.928.397.673		163.363.073
TỔNG CỘNG		21.654.771.905		31.376.452.946

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	
Thuế giá trị gia tăng	1.928.560.668	23.621.475.262	(30.844.502.295)	(5.294.466.365)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	59.644.635.767	3.851.963.926	(63.916.230.896)	(419.631.203)
Thuế thu nhập cá nhân	1.918.937.658	1.209.569.660	(1.813.342.170)	1.315.165.148
Thuế tài nguyên	2.393.133.867	27.763.773.567	(28.088.067.762)	2.068.839.672
Phí bảo vệ môi trường	1.343.715.255	13.694.041.617	(14.022.574.694)	1.015.182.178
Các loại thuế và phí khác	54.965.000	40.284.695.555	(40.341.660.555)	(2.000.000)
TỔNG CỘNG	67.283.948.215	110.425.519.587	(179.026.378.372)	(1.316.910.570)
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải nộp	67.289.964.828			4.723.601.650
Thuế và các khoản phải thu	(6.016.613)			(6.040.512.220)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	22.929.978.714	20.639.454.819
Chi phí lãi vay	24.699.277.972	11.528.019.700
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	18.437.014.888	7.028.769.576
Chi phí vận chuyển	3.518.490.660	5.549.623.930
Chi phí đá khai thác thuê ngoài	3.029.592.820	6.214.382.481
Chi phí khác	303.096.911	409.799.224
TỔNG CỘNG	<u>72.917.451.965</u>	<u>51.370.049.730</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả tiền mua cổ phần cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	6.838.622.343	6.838.622.343
Quỹ phúc lợi xã hội đóng góp bởi người lao động	1.487.636.378	1.723.636.378
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.958.957.459
Phải trả về cổ tức	1.956.971.468	1.824.168.118
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.121.825.502	22.571.949.739
TỔNG CỘNG	<u>24.405.055.691</u>	<u>34.917.334.037</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	23.062.270.895	25.510.666.121
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	1.342.784.796	9.406.667.916

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn:								
Vay ngân hàng	19.1	1.131.879.927.167	1.131.879.927.167	2.475.583.250.423	(2.337.205.930.456)	1.270.257.247.134	1.270.257.247.134	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	19.2	356.609.628.861	356.609.628.861	38.322.789.540	(359.361.559.398)	35.570.859.003	35.570.859.003	
Vay cá nhân	19.3	12.815.698.363	12.815.698.363	-	-	12.815.698.363	12.815.698.363	
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	19.4	-	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000	
TỔNG CỘNG		1.501.305.254.391	1.501.305.254.391	2.663.906.039.963	(2.696.567.489.854)	1.468.643.804.500	1.468.643.804.500	
Vay dài hạn:								
Vay ngân hàng	19.5	75.683.072.893	75.683.072.893	327.194.312.289	(17.129.335.193)	385.748.049.989	385.748.049.989	
TỔNG CỘNG		75.683.072.893	75.683.072.893	327.194.312.289	(17.129.335.193)	385.748.049.989	385.748.049.989	

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	589.999.457.392	Thời hạn vay cho mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 5,2% đến 5,5%.	Toàn bộ tài sản của Dự án Dây chuyền mới hình thành sau đấu tư.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	377.818.893.895	Thời hạn vay cho mỗi Khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm từ 5,2% đến 5,5%.	Toàn bộ tài sản của Dự án Dây chuyền mới hình thành sau đấu tư.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	302.438.895.847	Thời hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm là 5,5%.	Không.
TỔNG CỘNG	1.270.257.247.134			

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn đến hạn trả

Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối năm		Tình trạng	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Số dư đến hạn trả nhưng chưa trả				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi - Vay dài hạn đến hạn trả của công ty con	17.050.859.003	17.050.859.003	Ngân hàng gửi công văn đòi nợ	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến 25 tháng 3 năm 2021. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời điểm. Lãi suất trong năm là 9,2%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt.
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi - Vay dài hạn đến hạn trả của công ty con	10.200.000.000	10.200.000.000	Ngân hàng gửi công văn đòi nợ	Gốc vay được trả hàng tháng, bắt đầu từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2018. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời điểm. Lãi suất trong năm là 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt.
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng - Vay dài hạn đến hạn trả của công ty con	8.320.000.000	8.320.000.000	Ngân hàng gửi đơn kiện đòi nợ ra Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2013 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời điểm. Lãi suất trong năm là 9,2%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.	Quyền sử dụng đất của các cá nhân là cổ đông của công ty con tại Lô 87.1-25 - Khu đô thị mới phía Tây, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.
TỔNG CỘNG		35.570.859.003				

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung đã gửi văn bản đến các ngân hàng nêu trên về việc hoãn tính các khoản lãi phạt chậm nộp. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung chưa nhận được phản hồi chính thức từ phía các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Lâm	12.815.698.363	Đáo hạn vào ngày 16 tháng 4 năm 2012 và tiếp tục được gia hạn nếu không có thông báo từ bên cho vay.	Lãi suất điều chỉnh theo lãi suất ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Lãi suất trong năm là 5,5%/năm.	Không.

TỔNG CỘNG 12.815.698.363

19.4 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn với bên liên quan được trình bày như sau

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	150.000.000.000	Đáo hạn vào ngày 5 tháng 9 năm 2018. Lãi vay trả hàng quý.	5,5%/năm	Không.

TỔNG CỘNG 150.000.000.000

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.5 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Nhóm các ngân hàng. Trong đó, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn là ngân hàng đầu mối	342.888.049.989	Gốc vay được trả định kỳ 6 tháng/lần, bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Lãi vay được trả theo quý.	9,5%/năm	Toàn bộ hệ thống nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị của Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiên xi măng đến giai đoạn đóng bao hình thành từ khoản vay.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	35.200.000.000	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến 25 tháng 3 năm 2021. Lãi vay được trả hàng quý.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ.	Tài sản hình thành sau đầu tư thuộc dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Đại Việt - Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung.
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	7.660.000.000	Gốc vay được trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2013 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021.	Lãi suất thả nổi theo thông báo của ngân hàng trong từng thời kỳ.	Quyền sử dụng đất của các cá nhân là cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung tại Lô 87.1-25 - Khu đô thị mới phía Tây, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.

TỔNG CỘNG 385.748.049.989

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Số đầu năm
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 21.1)
Sử dụng quỹ trong năm
Số cuối năm

Đơn vị tính: VND	
Năm nay	Năm trước
14.331.727.785	11.120.999.822
24.364.500.000	23.920.000.000
(20.972.393.517)	(20.709.272.037)
17.723.834.268	14.331.727.785

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số đầu năm	956.613.970.000	57.006.601.053	324.849.975.232	358.851.245.887	17.006.169.163	1.714.327.961.335
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	256.671.600.268	(7.251.013.950)	249.420.586.318
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	115.156.800.000	(115.156.800.000)	-	-
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	143.486.570.000	-	-	(143.486.570.000)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(23.500.000.000)	-	(23.500.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng điều hành	-	-	-	(420.000.000)	-	(420.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(204.000.000)	-	(204.000.000)
Số cuối năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	440.006.775.232	332.755.476.155	9.755.155.213	1.939.624.547.653
Năm nay						
Số đầu năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	440.006.775.232	332.755.476.155	9.755.155.213	1.939.624.547.653
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	3.312.415.132	(6.794.045.845)	(3.481.630.713)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	188.204.303.179	(188.204.303.179)	-	-
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	(110.010.054.000)	-	(110.010.054.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.000.000.000)	-	(24.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng điều hành	-	-	-	(364.500.000)	-	(364.500.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(188.000.000)	-	(188.000.000)
Số cuối năm	1.100.100.540.000	57.006.601.053	628.211.078.411	13.301.034.108	2.961.109.368	1.801.580.362.940

Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết số 0878/NQ-ĐHĐCĐ 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết cổ phiếu của chủ sở hữu Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn góp cổ đông	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000	-	1.100.100.540.000	1.100.100.540.000	-	
Thặng dư vốn cổ phần	57.006.601.053	57.006.601.053	-	57.006.601.053	57.006.601.053	-	
TỔNG CỘNG	1.157.107.141.053	1.157.107.141.053	-	1.157.107.141.053	1.157.107.141.053	-	

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (công ty mẹ)	804.678.710.000	73
Các cổ đông khác	295.421.830.000	27
TỔNG CỘNG	1.100.100.540.000	100

21.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2016: (1.000 đồng/cổ phiếu)	110.010.054.000	-
Cổ tức cho năm 2015: 15% trên mệnh giá tổng số lượng cổ phần đang lưu hành	-	143.486.570.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.010.054</i>	<i>1.100.100.540.000</i>	<i>110.010.054</i>	<i>1.100.100.540.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.010.054</i>	<i>1.100.100.540.000</i>	<i>110.010.054</i>	<i>1.100.100.540.000</i>
TỔNG CỘNG	110.010.054	1.100.100.540.000	110.010.054	1.100.100.540.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.490	214
- Euro (EUR)	476	513

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán xi măng	2.966.556.293.632	3.916.361.870.254
Doanh thu bán clinker	506.840.333.409	352.565.477.592
Doanh thu bán phế liệu	1.970.569.297	10.404.980.735
Doanh thu bán xăng dầu	-	897.282.882
TỔNG CỘNG	<u>3.475.367.196.338</u>	<u>4.280.229.611.463</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	<i>3.002.963.326.125</i>	<i>3.461.027.051.776</i>
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 30)</i>	<i>472.403.870.213</i>	<i>819.202.559.687</i>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	256.271.935	523.551.153
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.742.769	12.682.237.595
Doanh thu tài chính khác	8.768.297	3.830.743
TỔNG CỘNG	<u>266.783.001</u>	<u>13.209.619.491</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn xi măng	2.508.453.547.859	3.059.366.346.354
Giá vốn clinker	554.059.773.719	356.774.629.126
Giá vốn xăng dầu	-	849.480.491
Giá vốn khác	169.928.698	732.781.202
TỔNG CỘNG	<u>3.062.683.250.276</u>	<u>3.417.723.237.173</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	84.216.155.217	114.005.354.695
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.565.241.228	3.447.000.000
Chi phí tài chính khác	236.834.207	110.401.001
TỔNG CỘNG	<u>117.018.230.652</u>	<u>117.562.755.696</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:		
Chi phí vận chuyển và ủy thác xuất khẩu	96.148.028.895	139.732.208.753
Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm (<i>Thuyết minh số 30</i>)	8.268.864.992	29.164.220.391
Chi phí phát triển thị trường	12.237.784.669	31.554.472.835
Chi phí nhân công	20.442.016.022	21.277.570.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.581.550.892	31.220.263.477
Chi phí bán hàng khác	9.764.283.715	11.206.364.344
TỔNG CỘNG	<u>168.442.529.185</u>	<u>264.155.100.415</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:		
Chi phí nhân công	49.112.416.216	69.719.524.912
Chi phí hỗ trợ quản trị doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30</i>)	8.097.512.671	29.164.220.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.677.095.973	17.584.127.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.554.107.484	4.670.633.879
Chi phí bằng tiền khác	42.621.142.902	51.733.131.969
TỔNG CỘNG	<u>119.062.275.246</u>	<u>172.871.638.308</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	10.300.442.109	7.852.928.618
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.889.383.088	362.276.887
Xử lý chênh lệch kiểm kê thừa	1.759.834.503	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	1.091.857.627	2.742.529.385
Thu từ cung cấp điện	383.114.688	2.078.256.119
Thu từ bán nguyên vật liệu, phế liệu	-	697.630.000
Thu nhập khác	2.176.252.203	1.972.236.227
Chi phí khác	18.357.802.876	14.855.361.171
Giá vốn cung cấp điện	383.114.688	2.080.279.125
Chi phí sản xuất cố định trong giai đoạn ngừng sản xuất	17.145.807.735	10.581.701.697
Các khoản phạt	286.466.445	244.940.207
Chi phí khác	542.414.008	1.948.440.142
LỖ KHÁC	<u>(8.057.360.767)</u>	<u>(7.002.432.553)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.528.072.217.153	1.721.546.183.737
Chi phí nhân công	282.376.331.274	340.951.584.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.608.614.244	274.879.400.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	943.236.522.965	1.147.041.244.407
Chi phí khác	363.049.457.026	410.163.967.362
TỔNG CỘNG	<u>3.368.343.142.662</u>	<u>3.894.582.380.516</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.851.963.926	64.703.480.491
TỔNG CỘNG	<u>3.851.963.926</u>	<u>64.703.480.491</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	370.333.213	314.124.066.809
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	74.066.643	62.824.813.362
Các điều chỉnh tăng		
Phân bổ lợi thế thương mại	333.048.225	333.048.227
Các khoản tiền phạt	60.393.289	48.988.040
Lỗ tính thuế của công ty con	1.349.711.364	3.991.895.825
Khấu hao trong giai đoạn ngừng sản xuất	3.169.661.850	1.838.548.615
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	2.539.954.491	-
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế	776.826.898	-
Các khoản điều chỉnh tăng khác	46.428.070	466.857.727
Các điều chỉnh giảm		
Thay đổi trong dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.498.126.904)	(4.800.671.305)
Chi phí thuế TNDN	<u>3.851.963.926</u>	<u>64.703.480.491</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017
2013	2018	26.320.415.962	(1.429.928.879)	-	24.890.487.083
2015	2020	27.560.467.673	-	-	27.560.467.673
2016	2021	19.959.479.127	-	-	19.959.479.127
2017	2022	6.748.556.819	-	-	6.748.556.819
TỔNG CỘNG		80.588.919.581	(1.429.928.879)	-	79.158.990.702

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty")	Công ty mẹ	Doanh thu bán xi măng và clinker Mua nguyên vật liệu và vật tư sản xuất xi măng Phí vận chuyển và ủy thác xuất khẩu Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp (*) Vay ngắn hạn	180.393.693.473 94.122.669.726 30.807.173.436 16.195.025.344 150.000.000.000	553.043.407.561 147.877.772.680 93.449.258.977 58.328.142.002	
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Đóng góp từ thiện, ủng hộ và chi phí khác	-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vicem Thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Mua đá bazan và than cám	689.093.312.990	604.846.010.009	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng Doanh thu bán xi măng	308.027.408.259 94.663.636	401.876.457.325	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	174.719.941.480	230.716.940.480	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Xi măng Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí gia công xi măng Mua nguyên liệu sản xuất xi măng	141.985.709.894 - -	158.163.280.204 931.231.907 955.639.601	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	21.675.406.000	2.750.000.000	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Mua clinker Mua clinker Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí gia công xi măng Vay clinker	17.657.069.815 16.327.888.000 8.997.617.920 47.198.197.045 710.260.198 -	25.959.563.632 - 118.558.198.404 44.279.109.242 13.673.607.239 10.591.589.001	

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	72.763.626 2.340.118.920	26.305.240.651 13.850.130.080
Công ty Cổ phần Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng	62.027.186.384	2.762.910.848
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	3.289.907.047 403.422.728	8.689.047.549 311.905.455
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng và clinker Chi phí gia công xi măng	19.684.679.293 58.705.796.380	- -
Công ty Cổ phần Vicem Bao bi Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vật tư	21.675.406.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	12.996.509.400	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công	712.027.272	-

(*) Theo hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các phụ lục điều chỉnh hợp đồng ký ngày 26 tháng 12 năm 2017, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, phí tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường và phí tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp cho năm 2017 sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,3% doanh thu tiêu thụ xi măng, 0,1% doanh thu tiêu thụ clinker và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuế ngoài gia công (năm 2016: tỷ lệ các loại phí nêu trên được xác định là 0,8% doanh thu tiêu thụ xi măng, 0,1% doanh thu tiêu thụ clinker và 0,05% doanh thu tiêu thụ xi măng thuế ngoài gia công).

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng bảng tiền hoặc cán trừ công nợ.

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)					
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	2.298.541.952	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Bán clinker	1.805.513.601	28.555.519.995	
Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	979.521.089	5.473.611.912	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	26.980.441.298	
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Bán clinker	-	9.557.952.304	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	-	1.348.494.317	
			5.083.576.642	71.916.019.826	
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 7)					
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Cho vay gạch chịu lửa	-	514.242.233	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ xây lò nung gạch chịu lửa	-	415.186.000	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ xây lò nung gạch chịu lửa	-	275.831.014	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Tổng Công ty	Phải thu về cho vay nguyên vật liệu	-	102.986.131	
			-	1.308.245.378	

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Phải trả người bán (Thuyết minh số 14)					
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua vật tư sản xuất xi măng	201.613.754.378	165.611.110.087	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	152.530.923.435	143.582.530.605	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Tam Điện	Cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	103.473.617.446	138.399.428.088	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng	33.035.027.896	-	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp	17.201.849.023	43.029.752.691	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	16.842.946.600	3.025.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa và gạch kiểm tính	9.676.858.620	5.322.499.600	
		Chi phí mua nguyên vật liệu sản xuất xi măng	33.800.000	33.800.000	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Mua trạm nghiền Quảng Trị	6.778.659.507	37.914.722.010	
		Chi phí gia công và bóc xép xi măng	329.904.780	131.553.174	
		Chi phí mua nguyên vật liệu sản xuất xi măng	2.487.874.620	2.487.874.620	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng và mua clinker	6.093.049.505	67.332.403.257	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng	783.230.000	-	
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí thăm dò, khảo sát	766.988.036	299.215.186	
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Cùng Tổng Công ty	Mua clinker	343.413.605	-	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	302.750.000	-	
Viện Công nghệ Xi măng VICEM	Cùng Tổng Công ty	Chi phí đào tạo	135.884.000	372.968.000	
			552.430.531.451	607.542.857.318	

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 15)					
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Trả trước tiền mua xi măng	14.928.397.673	-	
Công ty cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Trả trước tiền mua xi măng	-	163.363.073	
			14.928.397.673	163.363.073	
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh số 18)					
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Thanh lý tài sản giữ hộ	1.070.161.050	1.070.161.050	
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí tư vấn thiết kế dự án Dây chuyền mới	239.084.546	239.084.546	
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua nguyên vật liệu	30.000.000	-	
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Tổng Công ty	Mua bao bì, vật tư sản xuất	3.539.200	3.539.200	
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Tổng Công ty	Chi phí mua clinker và xi măng	-	8.093.883.120	
			1.342.784.796	9.406.667.916	
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 19)					
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	150.000.000.000	-	
			150.000.000.000	-	

Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 5)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng theo hợp đồng ủy thác quản lý dòng tiền được ký kết giữa Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng, một đơn vị được đầu tư bởi Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.067.490.550	2.710.529.512
TỔNG CỘNG	2.067.490.550	2.710.529.512

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	3.312.415.132	256.671.600.268
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(24.364.500.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau điều chỉnh	3.312.415.132	232.307.100.268
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.010.054	110.010.054
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.010.054	110.010.054
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	30	2.112
- Lãi suy giảm	30	2.112

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0878/NQ/ĐHĐCĐ 2017 ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất xi măng, clinker và một số loại vật liệu xây dựng liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết liên quan đến chi phí đầu tư dự án

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị khoảng 314 tỷ đồng liên quan đến việc thực hiện “Dự án chuyển đổi công nghệ từ giai đoạn nghiền xi măng đến giai đoạn đóng bao”.

Cam kết về chi phí hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ phải trả trong tương lai theo các hợp đồng gia công và mua nguyên vật liệu chính có giá trị ước tính là 1.182 tỷ VND.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên (“Thông tư 152”) kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến và qua đó, để xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành theo Văn bản số 8796/2017/UBND-KTTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Khiếu nại

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, từ tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung ("CRC") đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do phản ánh của người dân địa phương về vấn đề môi trường. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, CRC đang tiếp tục phối hợp với UBND tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan chức năng để thực hiện các công việc cần thiết và qua đó, có thể quay trở lại hoạt động ổn định trong thời gian tới. Ban Tổng Giám đốc cho rằng chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ khiếu nại này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Người lập
Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng
Lê Huy Quân



Tổng Giám đốc
Ngô Sỹ Túc

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018